

## VẤN ĐỀ PHÂN VÙNG VĂN HỌC DÂN GIAN Ở THANH HÓA

MAI THỊ HỒNG HẢI

Trong quá trình phát triển của lịch sử, các dân tộc Việt, Mường, Thái, Thổ, Hmông, Dao, Khơ-mú trên vùng đất xứ Thanh đã sáng tạo nên những nét đặc sắc trong các kho tàng văn hoá của mình, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá của các vùng miền để tạo nên những tác phẩm văn học dân gian, trở thành những nét riêng mang dấu ấn xứ Thanh. Nếu lấy năm 1960 là thời điểm đánh dấu công tác sưu tầm, giới thiệu văn học dân gian ở Thanh Hóa bắt đầu khởi sắc mạnh mẽ với việc công bố truyện “Xiển Bột” - một truyện cười dân gian độc đáo, thì đến nay công tác sưu tầm, giới thiệu văn học dân gian ở Thanh Hóa đã trải qua năm mươi năm. Thành quả đạt được là đã sưu tầm, giới thiệu và công bố xuất bản được một dung lượng đồ sộ về số lượng các tác phẩm với nhiều thể loại của văn học dân gian. Trên cơ sở đó, chúng ta thấy được diện mạo văn học dân gian ở Thanh Hóa phong phú và toát lên những vẻ đẹp riêng trong kho tàng văn học dân gian cả nước.

Tuy nhiên, trong nhiều lĩnh vực đã nghiên cứu về văn học dân gian ở Thanh Hóa, vấn đề phân vùng văn học dân gian chưa được đặt ra. Bài viết này nêu lên một số suy nghĩ nhằm bước đầu đưa ra vấn đề phân vùng văn học dân gian ở Thanh Hóa và xem đó như là một hướng tiếp cận góp phần làm sáng rõ thêm sắc thái riêng của văn học dân gian ở Thanh Hóa trong nguồn mạch văn học dân gian của dân tộc.

### 1. Cơ sở để phân vùng văn học dân gian ở Thanh Hóa

Những thành tựu nghiên cứu của các nhà khoa học đã có thể cho ta nhận định: Thanh Hóa là một vùng văn hoá, một vùng văn học dân gian truyền thống. Văn học dân gian ở Thanh Hóa có những nét riêng tạo ra sắc thái xứ Thanh trong văn học dân gian rất dễ cảm nhận và có thể phân chia thành hai miền: văn học dân gian miền núi và văn học dân gian miền xuôi. Trong mỗi miền lại có thể nhận ra các tụ điểm, các thể loại được coi là thể mạnh. Kết quả điều tra, sưu tầm, giới thiệu và công bố văn học dân gian ở Thanh Hóa đã cho chúng ta thấy tính trội văn học dân gian của mỗi vùng miền núi và miền xuôi ở Thanh Hóa được biểu hiện một cách sinh động, có những nét độc đáo hấp dẫn riêng của mỗi miền. Nổi bật nhất là ở thể mạnh thể loại của các miền lưu giữ, có những thể loại văn học dân gian cổ xưa còn tồn tại hầu như trọn vẹn ở miền núi trong khi ở miền xuôi chưa thấy xuất hiện, và ngược lại có những thể loại rất phát triển ở miền xuôi nhưng lại chưa thấy nảy sinh ở miền núi. Đó chính là môi trường sinh hoạt của văn học dân gian, là những điều kiện về môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội, dân cư, ngôn ngữ và lịch sử giao lưu văn hoá đã tạo nên nét đặc trưng văn học dân gian của các miền và quy định sự ra đời và tồn tại của tác phẩm văn học dân gian ở mỗi miền. Vùng đất xứ Thanh - cái nôi sinh thành và phát

triển văn học dân gian Thanh Hóa đã được các nhà khoa học xã hội và nhân văn nghiên cứu từ nhiều góc độ, tựu trung nổi bật lên một số nét cơ bản trên các phương diện Địa - Lịch sử - Văn hóa như sau:

Thanh Hóa là một vùng đất nằm giữa Bắc bộ và Bắc Trung bộ của nước Việt Nam. Bộ Cừu Chân xưa và Thanh Hóa ngày nay là một địa bàn tương đối ổn định, không bị chia cắt và luôn được bồi đắp suốt chiều dài lịch sử. Cảnh quan sinh thái của xứ Thanh rất đa dạng, có rừng núi, đồng bằng, miền duyên hải mở ra biển Đông bao la với các đảo hòn Nẹ, hòn Mê, quần đảo Biện Sơn. Phần đất liền có 3/4 diện tích là đồi núi, có những đồng bằng châu thổ rộng lớn phì nhiêu và phần lớn nằm trên lưu vực các con sông Mã, sông Chu. Như vậy, xứ Thanh có bản làng của các dân tộc thiểu số vùng miền núi, có làng vùng châu thổ, có làng vùng duyên hải, có sự hội tụ của văn hóa núi, văn hóa đồng bằng và văn hóa biển. Điều kiện tự nhiên, cảnh quan sinh thái của địa bàn Thanh Hoá có thể phân biệt thành hai miền rõ rệt: miền núi và miền xuôi. Con sông Mã xuyên suốt hai miền từ Quan Hoá, Bá Thước, Cẩm Thủy... đổ xuống Vĩnh Lộc, Yên Định, Thiệu Hoá, Hà Trung đổ ra biển Đông ở hai cửa sông: Lạch Hới và Cửa sông Lèn. Sông Mã là con sông “Mẹ”, là tuyến đường giao thông quan trọng nhất, là dòng sông chuyển tải và giao lưu văn hóa giữa miền núi và miền xuôi trong suốt quá trình phát triển của lịch sử xứ Thanh. Các con sông khác như sông Chu, sông Yên, sông Bạng... cùng nhiều nhánh sông nhỏ khác đã làm phong phú địa mạo xứ Thanh, “có núi rừng, có miền thung lũng trung du, có đồng bằng... và có biển, nghĩa là có nhiều hệ sinh thái tự

nhiên và nhân văn phồn tạp khác nhau, trên cạn, dưới nước và vùng đất ngập mặn, kinh tế và văn hoá có hiện thực và tiềm năng, phong phú và đa dạng...” (Trần Quốc Vượng, 1996, tr. 382).

Thanh Hoá có một lịch sử lâu đời với các di chỉ khảo cổ từ thời sơ kỳ đá cũ (Núi Đọ) đến đá mới, hậu kỳ đá mới (Đa Bút, Hoa Lộc...) xuyên sang thời đại Đồng, Sắt (với văn hoá Đông Sơn). Vào thời các vua Hùng, Thanh Hoá là một trong mười lăm bộ của nước Văn Lang có tên gọi rất sớm là Cừu Chân (Trần Quốc Vượng, 1996, tr. 387). Trải qua một ngàn năm chống Hán hoá, một ngàn năm xây dựng quốc gia độc lập dưới các triều đại phong kiến và tiếp nối sau đó là thời đại cách mạng mở đầu từ thế kỷ XX, lịch sử Thanh Hoá gắn bó hữu cơ với vận mệnh của đất nước, của dân tộc. Một lịch sử lâu đời và phát triển liên tục như thế, gắn bó chặt chẽ chứ không bị xé lẻ như nhiều địa phương khác trên bản đồ hành chính, chắc chắn sẽ là cơ sở để nảy sinh, hình thành một lịch sử văn hoá, văn học dân gian hoàn chỉnh về thể loại và giàu sắc thái xứ Thanh. Cư trú trên vùng đất xứ Thanh bao gồm nhiều tộc người: Việt, Mường, Thái, Thổ, Hmông, Dao, Khơ-mú... Các tộc người thiểu số sinh sống tập trung chủ yếu ở địa bàn miền núi, còn người Kinh (Việt) sinh sống ở miền xuôi.

Lịch sử của Thanh Hóa gắn bó rất chặt chẽ với lịch sử dân tộc, lịch sử quốc gia Việt Nam. Từ trước ngày hình thành dân tộc cho đến ngày nay, Thanh Hóa đã làm nên những sự kiện lịch sử, đánh dấu cho tiến trình lịch sử Việt Nam những chặng đường nhất định, ghi dấu những hiện tượng lịch sử mà nhiều địa phương khác không có. Chi liệt kê vài

nét nổi bật như: Hiện tượng văn hóa Đông Sơn góp vào nền cổ sử; Hiện tượng các triều đại vua chúa xuất hiện ở Thanh Hóa (vua Lê, chúa Nguyễn, vua Nguyễn); Các nhân vật lịch sử - văn hoá của xứ Thanh, từ các “Ông khổng lồ quây núi cày sông” đến các con người ở Thanh Hoá đã làm nên lịch sử như Bà Triệu, Dương Đình Nghệ, Lê Hoàn, Lê Lợi... Các nhân vật tài giỏi như Khương Công Phụ, Ngô Chân Lưu, Lê Văn Hưu, Đào Duy Từ... đã làm rạng rỡ xứ Thanh bằng sự nghiệp cứu nước, xây dựng đất nước và các công trình văn hoá, lịch sử của mình. Bản thân các nhân vật lịch sử ấy lại cũng là đề tài cho sáng tác văn học, nhất là văn học dân gian, kết tinh thành các truyền thuyết, truyện thơ, ca vè, diễn xướng dân gian. Có thể nói, vùng đất xứ Thanh có nhiều nhân vật bước vào cõi siêu trần, hoặc bán thần là những thiên thần, nhiên thần, và những nhân vật có công trạng đặc biệt trở nên người của lịch sử. Vùng đất có những con người như thế sẽ tạo nên những cảm quan dân gian nhất định, làm nên tính chất đậm đà hiện tượng vùng văn hóa dân gian. Trên cái nhìn tổng quan chung của không gian văn hóa Việt Nam, những nơi có hiện tượng như thế thường trở thành vùng, thành trung tâm, thành điểm, khiến người ta nhận thấy đó là một vùng văn hóa - lịch sử. Theo quy luật ảnh hưởng và lan toả về văn hóa, những điểm, những trung tâm ấy không bao giờ khoanh lại một chỗ, nó được phát huy ảnh hưởng, lan truyền thành vệt, thành giải làm cho người ta hình dung được các tụ điểm, các vệt thể loại văn học dân gian.

Ngôn ngữ cũng có vai trò quan trọng trong việc hình thành các vùng văn học dân gian. Đó là phương tiện để sáng tạo và

chuyển tải văn hóa, nhất là văn hoá dân gian, văn học dân gian (Hoàng Tiến Tựu, 1978). Sự tương đồng về mặt ngôn ngữ của nhân dân là một trong những tiêu chuẩn để phân vùng văn học dân gian. Các dân tộc thiểu số sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình trong gia đình cũng như sinh hoạt xã hội, bên cạnh tiếng Việt. Nhưng trong sáng tạo và lưu truyền, diễn xướng sinh hoạt văn học dân gian, các dân tộc thiểu số chủ yếu sử dụng tiếng mẹ đẻ. Do vậy, văn học dân gian ở Thanh Hóa có thể phân biệt thành hai miền rõ rệt với những sắc thái riêng dễ nhận thấy trước hết là ở ngôn ngữ được sử dụng để sáng tác và lưu giữ các tác phẩm văn học dân gian.

## **2. Phác thảo phân vùng văn học dân gian ở Thanh Hóa**

### **2.1. Văn học dân gian miền núi**

Miền núi Thanh Hoá là một khu vực rộng lớn, bao gồm địa dư của 11 huyện: Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Như Thanh, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Thường Xuân. Dân tộc đông người nhất hiện nay ở miền núi Thanh Hóa là dân tộc Mường và thứ hai là dân tộc Thái. Dân tộc Mường phân đông sống ở các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc và xen cư với các dân tộc Thái ở các huyện Bá Thước, Lang Chánh. Dân tộc Thái tập trung sinh sống ở Thường Xuân, Như Xuân, Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát và cộng cư với dân tộc Mường ở các huyện Bá Thước, Lang Chánh và các dân tộc khác đến muộn hơn như Thổ (ở Như Xuân), Hmông, Kơ-mú ở các huyện Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát... Ở miền núi Thanh Hóa, người Thái và người Mường

cũng là hai tộc người đã sáng tạo và bảo lưu được kho tàng văn hóa dân gian phong phú, trong đó có văn học dân gian góp phần quan trọng tạo nên diện mạo, sắc thái độc đáo về văn hóa của các dân tộc ở miền núi xứ Thanh. Có thể nói rằng, trong bức tranh văn hóa đa tộc người ấy, sắc thái văn hóa Thái - Mường là những mảng màu đậm và trên một số lĩnh vực có thể xem sắc thái văn hóa đó tiêu biểu cho khu vực miền núi xứ Thanh. Kết quả sưu tầm, giới thiệu văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở miền núi Thanh Hóa cũng cho thấy chủ nhân của các tác phẩm văn học dân gian miền núi chủ yếu là người Mường, người Thái. Các dân tộc ít người khác cũng có, song số lượng ít và chưa thấy điểm gì nổi trội mang tính chất đặc trưng của vùng.

Người Mường sáng tạo và lưu giữ được sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, giữ được hệ thống Mo (*Mo lên trời, Motlêu*). *Đẻ đất đẻ nước* là sử thi thần thoại, được sáng tạo theo cảm hứng cội nguồn, mang ý tưởng “chim tìm tổ, người tìm tông”, mô tả các chặng dài lịch sử của một cộng đồng người, từ lúc con người chưa xuất hiện đến lúc đã trở thành một cộng đồng. Tác phẩm như là một bức tranh ghép mảnh các huyền thoại lịch sử kỳ vĩ của cộng đồng dân tộc Mường ở Việt Nam. Kho tàng dân ca của dân tộc Mường với các tên gọi *Xường, Rang, Bọ mẹn*... rất phong phú. *Xường* là loại hát đối đáp, giao duyên rất độc đáo của người Mường. Bên cạnh *Xường*, người Mường còn có lối hát trong *Pònn Pông* là loại hát nghi lễ phong tục để cầu may cầu lộc, tức “bói bông bói hoa”. Người Mường ở Thanh Hoá lưu giữ được nhiều truyện thơ đặc sắc của tộc người mình như *Nàng Nga - Hai Mối, Nàng Õm -*

*chàng Bông Hương, Út Lót - Hồ Liêu*... Điều hấp dẫn là những truyện thơ này có nhiều dấu tích được tồn tại trong sinh hoạt phong tục của người Mường ở Thanh Hoá.

Người Thái ở Thanh Hoá có sử thi *Toi ăm oóc nặm đin* (Kể chuyện sinh ra đất nước) và nhiều truyện thơ về những con người anh hùng, có sự tích anh hùng như *Khăm Panh* lưu truyền phổ biến ở vùng Mường Khoòng (Bá Thước), *Ú Thê* lưu truyền rộng rãi ở các vùng Mường Ca Da (Quan Hóa), Mường Đanh (Lang Chánh) là những truyện thơ rất đẹp. Đặc biệt, người Thái ở Thanh Hoá có một kho tàng “Khạp Thái” rất có giá trị. Khạp Thái ở Thanh Hoá lưu truyền phổ biến ở những địa bàn người Thái tập trung sinh sống đông, trong dân gian người Thái thường lấy tên mường đặt cho “Khạp” như: “Khạp Mường Đanh” (Lang Chánh), “Khạp Mường Ca Da” (Quan Hóa), “Khạp Mường Khoòng” (Bá Thước)...

Do đặc điểm phân bố dân cư vừa tập trung vừa đan xen, nên trong quá trình nảy sinh và lưu truyền phổ biến, văn học dân gian ở miền núi Thanh Hoá đã hình thành những tụ điểm nổi trội mang sắc thái văn hóa tộc người. Ở những địa bàn người Mường có mặt từ rất lâu đời và tập trung cư trú đông thì hình thành nên những tụ điểm văn học dân gian Mường, những nơi người Thái sinh sống đông thì hình thành nên những tụ điểm văn học dân gian Thái. Chúng ta có thể nêu một số tụ điểm sau đây:

Tụ điểm Mường Ống (xã Thiết Ống, huyện Bá Thước), Mường Ai (xã Ái Thượng, huyện Bá Thước). Tương truyền trong dân gian, cả hai tụ điểm Mường Ống, Mường Ai là vùng quê gốc của văn học dân

gian người Mường ở Thanh Hóa. Trên địa bàn của các tụ điểm này đã sưu tầm được sử thi *Đẻ đất đẻ nước*, mà ngày nay vẫn còn dấu tích Đồi Chu ở xã Thiết Ống. Xường ở vùng Mường Ống, Mường Ai được người Mường nhiều nơi coi là “*Xường gốc*” vì theo truyền thuyết: ngày xưa ngày xưa, bà Dạ Dần lên Mường Trời lấy được xương gánh về đến Mường Ống, Mường Ai thì đứt gánh nên bao nhiêu “*Xường gốc*” rơi xuống vùng này, sau đó mới lan truyền ra các nơi khác. Tụ điểm Mường Khô (xã Điền Lư, huyện Bá Thước) nổi bật với lối hát nghi lễ phong tục *Pòôn Pôông*. Tụ điểm Mường Đủ (thuộc xã Thạch Bình, huyện Thạch Thành) là một vùng đất còn lưu giữ nhiều dấu tích về phong tục và những truyện kể dân gian liên quan đến tích truyện thơ Nàng Nga - Hai Mối. Nhân vật Nàng Nga là con gái yêu của Cún Đủ Đạo Già là người đứng đầu Mường Đủ. Xưa kia, ở đây có phong tục đi chơi Chợ Tình tức là chợ Quan Hoàng Quan Phác (hai làng thuộc xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc giáp huyện Cẩm Thủy xưa có Chợ tình duyên vốn là nơi Nàng Nga gặp chàng Hai Mối) và trong Chợ tình duyên, trai gái đem chuyện Nàng Nga, Hai Mối ra hát với nhau để giao duyên. “Ở Mường Đủ còn đền thờ Nàng Nga (còn gọi là đền Mẫu)” (Trần Thị Liên, Nguyễn Hữu Kiên, 1986, tr. 35). Đặc biệt, tục kết chạ giữa hai làng Cẩm Hoàng (Cẩm Thủy) và Mường Đủ tồn tại khá lâu đời trong sinh hoạt văn hóa của nhân dân hai mường là một minh chứng sinh động cho truyện thơ này (Trần Thị Liên, Nguyễn Hữu Kiên, 1986, tr. 37).

Một số tụ điểm văn học dân gian của người Thái ở Thanh Hóa như tụ điểm Mường Khoòng (gồm các xã Lũng Cao,

Lũng Niêm, Cổ Lũng, huyện Bá Thước) tương truyền trong dân gian là nơi sinh thành truyện thơ Khăm Panh. Tụ điểm Mường Ca Da (gồm các xã Phú Nghiêm, Hồi Xuân, Nam Xuân, Trung Xuân, Thanh Xuân thuộc huyện Quan Hoá) là một mường cổ, có truyền thống lâu đời, lưu giữ nhiều vốn văn hoá, văn học dân gian của người Thái ở Thanh Hóa như Sử thi *Toi ặm oọc nậm đin*, truyện thơ *Ú Thêm...*

Các tụ điểm văn học dân gian ở miền núi nêu trên là những cảm nhận ban đầu để nhận diện trong khi đi sưu tầm, cho nên có thể sẽ còn bổ sung và điều chỉnh khi việc sưu tầm văn học dân gian ở miền núi Thanh Hóa đã được tiến hành một cách triệt để và khoa học. Dẫu sao, hiện nay việc phác ra các tụ điểm trên vẫn là cần thiết để cung cấp một cái nhìn khái quát về văn học dân gian miền núi xứ Thanh. Sự nảy sinh và hình thành các tụ điểm văn học dân gian như trên là một nhân tố quan trọng góp phần làm cho văn hóa dân gian của mỗi tộc người một mặt vẫn được duy trì nuôi dưỡng trong môi trường sinh thái - nhân văn của tộc người mình để bảo lưu những nét riêng, mặt khác lại giao lưu và lan toả ảnh hưởng tới các tộc người khác cùng cộng cư. Như vậy, nếu coi xứ Thanh là một vùng văn hóa, một vùng văn học dân gian thì toàn bộ khu vực miền núi Thanh Hóa sẽ là một tiểu vùng văn học dân gian với những nét nổi trội riêng có thể phân biệt được với văn học dân gian miền xuôi ở Thanh Hóa.

## 2.2. Văn học dân gian miền xuôi

Địa bàn miền xuôi Thanh Hoá có thể chia làm 3 vùng: vùng bán sơn địa giáp với các huyện miền núi, vùng đồng quê (kê quê)

và vùng biển (kê bê). Giữa các vùng có giao lưu liên tục thường xuyên, nhưng cũng có những nét khác nhau về đời sống kinh tế, sinh hoạt tập tục, thờ cúng tín ngưỡng, cho nên văn học dân gian tồn tại lưu truyền trong các vùng cũng có những nét khác nhau. Nét khác nhau dễ nhận thấy trong văn học dân gian miền xuôi giữa các vùng trên trước hết là cảm hứng đề tài, nội dung phản ánh và sau đó là sự phát triển các thể loại văn học dân gian. Chính chỗ khác nhau này đã tạo ra sự sinh động, phong phú và làm cho văn học dân gian các vùng trên gắn bó chặt chẽ với sinh hoạt của nhân dân trong vùng:

“Com ăn một bát sao no

Lấy chồng Ngọc Nhị chỉ lo lợi đồng”

“Lấy chồng Kê Bê chớ nề nôi khoai”

“Lấy chồng Nông Công ăn com

Lấy chồng Thiệu Hoá quai mồm nhai ngô”

Về mặt cảm hứng đề tài và nội dung, cuộc sống của nhân dân được văn học dân gian miền xuôi Thanh Hoá phản ánh là cuộc sống nông tang dân dã. Con người hiện lên trong đó là người nông dân với những tập tục lâu đời gắn bó với lao động kiếm sống ở các vùng trên ruộng đồng, dưới sông nước, biển cả xứ Thanh. Hò Sông Mã là loại hò chèo thuyền (đò dọc) trên sông Mã. Điệu hò phản ánh hành trình của con đò từ bến Nam Ngạn qua Ngã Ba Bông, ngược sông Mã qua các huyện Yên Định, Vĩnh Lộc, Cẩm Thủy... lên tận Hội Xuân và ngược lại. Các chặng hò bắt đầu từ Hò rời bến, Hò đò ngược, Hò mắc cạn, Hò đò xuôi cho đến Hò cập bến nói lên lao động sông nước của các trai đò. Hát gheo vừa là tâm tình của người dân sống trong xóm làng vừa phản ánh việc cày bừa, cấy hái

một nắng hai sương với cuộc sống vất vả trăm bề nhưng cũng có những niềm vui nho nhỏ. Hát ru Tĩnh Gia hoà trong tiếng võng trưa hè là thấp thoáng cả nhịp sống lao động chân phác...

Văn học dân gian miền xuôi Thanh Hoá còn phản ánh cuộc sống chiến đấu kiên cường bảo vệ quê hương, góp phần tích cực bảo vệ nền độc lập Tổ quốc của người dân Thanh Hoá. Nội dung này được phản ánh trong các truyền thuyết chống xâm lăng của Bà Triệu, Lê Lợi, của phong trào Cần Vương, của vẻ yêu nước chống ngoại xâm... Nhiều gương mặt anh hùng hy sinh cứu nước của quê hương Thanh Hóa sáng ngời lên trong các truyện kể, ca vè và diễn xướng dân gian.

Cuộc sống tâm linh của người dân xứ Thanh xưa kia cũng được phản ánh trong hệ thống truyện kể về ông Không Lộ, về những anh hùng cứu nước và bao giờ cũng bao trùm lên các truyện kể ấy một không khí linh thiêng, tôn thờ các bậc ấy thành “Thánh” như Thánh Đốc, Thánh Bung, Cao Sơn, Thánh Mẫu. Văn chầu Thánh Mẫu Đền Sòng ca ngợi bà Chúa Liễu là những lời ca đẹp, thiêng liêng bộc lộ tâm linh hướng thiện của người dân xứ Thanh, luôn luôn mong Mẫu võ về, che chở. Cuộc sống lao động xây dựng quê hương, cuộc sống chiến đấu hy sinh vì nước, cuộc sống tâm linh hướng thiện, đó là tất cả nội dung của văn học dân gian miền xuôi Thanh Hoá. Trong cuộc sống ấy, hình ảnh con người Thanh Hoá xuất hiện đậm dấu ấn lịch sử và sắc thái xứ Thanh, góp phần làm phong phú thêm nội dung văn học dân gian cả nước bên cạnh xứ Nghệ, xứ Huế, xứ Bắc, xứ Đông, xứ Đoài, xứ Nam, xứ Quảng...

Về phương diện thể loại của văn học dân gian ở Thanh Hoá cũng thấy có những nét đặc sắc. Nếu ở miền núi xứ Thanh, có thể tìm được các tụ điểm tổng hợp về thể loại văn học dân gian gắn với tộc người, thì ở miền xuôi lại có thể tìm được các vệt thể loại văn học dân gian. Khái niệm “vệt thể loại” trong văn học dân gian là chỉ sự phát triển, tồn tại của một thể loại nào đấy trên một địa bàn hành chính trong một vùng văn hoá, văn học dân gian mà trong sưu tầm chúng ta có thể hình dung ra được. Nó kéo dài qua các xóm làng, có điểm tập trung đậm đặc, có điểm nhạt thưa thớt và có ranh giới chầm hết có thể gọi là “đường biên thể loại”, rõ nhất là “đường biên tác phẩm thuộc thể loại ấy”. Ở miền xuôi Thanh Hoá, chúng ta thấy có hồ sông Mã tồn tại ở hai bờ sông Mã, sang sông Chu thì đã mờ và các sông khác ở Thanh Hoá lại không hề thấy. Về là một thể loại chung phản ánh sinh hoạt, song về ở miền biển Thanh Hoá lại đậm hơn các nơi. Điều này có lẽ vì cuộc sống của cư dân miền biển tập trung trong các hội xe gai, dệt lưới bên nhau thuận lợi cho việc kể về về chim, về cá, về hoa quả, về các câu chuyện thời sự trong làng... Cũng lần theo dấu vết thể loại, ở miền xuôi Thanh Hoá có “vệt truyền thuyết Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn” từ các huyện Yên Định, Thọ Xuân để vào Nông Cống, Triệu Sơn và lên Thường Xuân mà điểm đậm đặc là Thọ Xuân - Thường Xuân; vệt “Truyện Trạng Quỳnh - Xiển Bột” lại đậm đặc ở Hoàng Hoá để lan toả ra các nơi trong tỉnh và tràn ra đồng bằng Bắc bộ. Hát gheo xứ Thanh cũng có từng vùng, chủ yếu là vùng đồng quê, nhất là ở các vùng giàu lúa gạo của tỉnh Thanh, nổi lên trong các mùa vụ cấy cấy, gặt hái vì với điều kiện cần và đủ để hát gheo với nhau là:

Thứ nhất no cơm lành áo

Thứ nhì tạnh ráo, sáng trăng

Nhìn chung, trong văn học dân gian miền xuôi xứ Thanh, các vệt thể loại - tác phẩm hiện lên đậm và dễ nhận thấy, có thể coi đó là một đặc điểm để các nhà sưu tầm theo dấu vết mà kiếm tìm, ghi chép, khảo sát. Bức tranh chung về thể loại văn học dân gian miền xuôi ở Thanh Hoá khá đầy đủ. Tuy thể loại sử thi vắng mặt song từ thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn cho đến tục ngữ, câu đố, ca dao, dân ca, vè... đều có mặt, rất đa dạng và có những thể loại nổi bật làm nên nét độc đáo của văn học dân gian miền xuôi ở Thanh Hoá, được cả nước chú ý như: thần thoại, truyền thuyết lịch sử, và lịch sử, truyện Trạng Quỳnh, hồ sông Mã. Thần thoại trong văn học dân gian ở miền xuôi Thanh Hóa nổi lên hình tượng “Ông khổng lồ”. Đó là hình tượng khái quát về những con người “từ rừng tiến xuống đồng bằng” khai phá ruộng đồng, mở mang làng xóm. Các ông khổng lồ như Ông Nưa (Nông Cống), Ông Lau (Quảng Xương), Ông Vòm (Thiệu Hoá), Ông Bung (Hoàng Hoá, Hậu Lộc, Hà Trung), Ông Nuông (Yên Định, Thọ Xuân), Ông Cống Đá (Tĩnh Gia)... mỗi ông khai phá một địa bàn miền xuôi Thanh Hóa. Nổi bật trong văn học dân gian miền xuôi Thanh Hóa là các chuỗi truyền thuyết. Từ các truyền thuyết lập làng, truyền thuyết về tổ sư sáng tạo ra các nghề trên đất Thanh, về các danh nhân văn hóa, song đặc sắc nhất là các chuỗi truyền thuyết chống ngoại xâm. Tiêu biểu là truyền thuyết Bà Triệu, truyền thuyết Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, truyền thuyết về các lãnh tụ Càn Vương. Về lịch sử cũng là thể loại xuất hiện sớm ở

Thanh Hoá như Về Ông Ninh và phát triển về sau trong loạt “Về Ba Đình”, “Về Cai Mao”... Đặc biệt, kho tàng truyện cười ở Thanh Hoá rất đặc sắc với truyện Trạng Quỳnh, truyện Xiển Bột đã hoà vào kho tàng truyện cười của cả nước và đặt ra cho nhiều nhà nghiên cứu những vấn đề khoa học lý thú. Hò sông Mã là loại hò lao động trên sông nước. Sông Mã không hiền từ như sông La, không dịu dàng êm lặng như sông Hương mà có lúc dữ dằn “như phi ngựa” nên điệu hò vừa xốc vác, vừa gân guốc hỗ trợ cho việc chống sào vượt thác, song cũng có lúc sóng lặng nước êm thì điệu hò cũng lại rất trữ tình, âm áp tình đời. Lời ca của hò sông Mã thuần phác, mộc mạc song rất đẹp, có sắc thái riêng, độc đáo.

Là khúc nối giữa đồng bằng Bắc bộ và “Khúc ruột miền Trung”, Thanh Hoá là điểm giao lưu giữa văn hoá và văn học dân gian của hai miền đất nước. “Từ núi đến biển, Thanh Hoá không phải là một xứ biệt lập hay cô lập mà là mở” (Trần Quốc Vượng, 1996, tr. 383) theo nhiều hướng. Các biểu hiện giao lưu ấy chúng ta thấy rất rõ trong văn học dân gian ở Thanh Hoá nói chung (cả miền núi và miền xuôi), rõ nhất là trong một số thể loại - tác phẩm trong văn học dân gian miền xuôi. Cũng từ đây đã hình thành các thể loại văn học dân gian mang đặc trưng Thanh Hoá giao thoa cùng các miền xứ khác. Ví dụ như Hát ru Tĩnh Gia có sắc thái giao thoa giữa hai vùng xứ Thanh và xứ Nghệ trong thể loại hát Vãn 5 (kể theo câu 5 chữ) tương tự như hát giặm Nghệ Tĩnh, đã được khảo sát tìm thấy từ phía Nam sông Ghép vào đến đất Hoàng Mai (Quỳnh Lưu - Nghệ An). Mở rộng hơn, trong chuỗi truyền thuyết lịch sử về thời Hùng Vương, nhiều mô típ và truyện kể về thời các vua

Hùng cũng có dấu tích và truyền miệng ở xứ Thanh. Hùng Duệ Vương được thờ ở vùng Yên Định; Hùng Trinh Vương được thờ ở vùng Hoằng Hoá, Quảng Xương; An Dương Vương và My Châu được thờ ở Quảng Xương (làng Bình Hoà) và Tĩnh Gia (làng Hải Thượng)...

Nhìn chung, vấn đề phân vùng văn học dân gian ở Thanh Hoá đang đòi hỏi phải tiếp tục được nghiên cứu. Những suy nghĩ bước đầu trên đây mới chỉ phác thảo phân chia văn học dân gian ở Thanh Hoá thành hai miền: miền núi và miền xuôi. Văn học dân gian ở Thanh Hoá có thể phân biệt thành hai miền với những sắc thái riêng song lại trong một cơ thể thống nhất, tồn tại một cách toàn vẹn trên vùng đất xứ Thanh. Sự phát triển của văn học dân gian ở Thanh Hoá là một quá trình liên tục, xuyên suốt từ miền núi tới miền xuôi với các thể loại gần như đầy đủ so với diện mạo văn học dân gian cả nước. Điều này có nghĩa là ở miền núi còn giữ được các thể loại cổ xưa như sử thi thần thoại, truyện thơ, cổ tích loài vật...; xuống đến miền xuôi thì thần thoại mờ dần để còn nổi lên các truyền thuyết lịch sử, cổ tích sinh hoạt, truyện cười, hò sông Mã... Đó là thế mạnh về thể loại trong văn học dân gian của mỗi miền. Đồng thời nó cũng biểu hiện một cách thống nhất và liên tục đời sống tinh thần tư tưởng, tình cảm của cộng đồng cư dân trong nền văn minh sông Mã từ thời Núi Đọ, Đông Sơn cho đến ngày nay. Từ đó, chúng ta có thể hình dung: từ núi rừng mà ra, người Việt cổ ở xứ Thanh tiến về xuôi khai phá đồng lầy, chiếm lĩnh đồng bằng và biển cả, xây dựng xóm làng đã để lại sau lưng mình các thể loại văn học dân gian cổ xưa và dần dần “hiện đại hóa” các thể loại văn học dân gian của mình để phát triển văn

học dân gian ở xứ Thanh hoà chung với văn học dân gian cả nước.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu khoa xã hội và nhân văn đã và đang tập trung nghiên cứu vùng văn hoá. Văn học dân gian, các hiện tượng văn hóa dân gian là một trong những biểu hiện của vùng văn hóa. Việc phân vùng văn học dân gian ở Thanh Hóa không chỉ góp phần làm sáng rõ thêm sắc thái xứ Thanh trong văn học dân gian, mà còn tạo điều kiện để các nhà nghiên cứu đặt các tác phẩm văn học dân gian vào địa bàn sinh thành, tồn tại, lưu truyền, phát triển của nó và đồng thời sẽ giúp ích cho công việc sưu tầm, giới thiệu các tác phẩm văn học dân gian, các hiện tượng văn hóa dân gian phát triển nhanh, mạnh và hiệu quả.

### Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Liên, Nguyễn Hữu Kiên (1986), *Văn hóa truyền thống Mường Đủ*, Sở Văn hóa thông tin Thanh Hóa xuất bản.
2. Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Tiến Tựu (1978), “Vấn đề phân vùng văn học dân gian và ý nghĩa phương pháp luận của nó”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 1-11.
4. Trần Quốc Vượng (1996), *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.



Suối cá tại chân núi Trường Sinh thuộc xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa